TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ MỸ** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2020/HNGĐ – ST
Ngày: 21 – 7 – 2020
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Công Tạo

Ông Nguyễn Thế Phương

- Thư ký phiên toà: Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 133/2020/TLST – HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 12/6/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2020/QĐST – HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị Ngọc P, sinh năm 1980 (có mặt)
Địa chỉ: Tổ 01, thôn T, xã CP, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Bị đơn: Ông Lê Quang N, sinh năm 1969 (vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 01, thôn T, xã CP, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của bà Trương Thị Ngọc P tại Tòa án:

Bà Trương Thị Ngọc P và ông Lê Quang N quen biết và tìm hiểu sau đó về chung sống với nhau từ năm 2009. Đến ngày 12/8/2013, ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường PT, thành phố BR, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông N hay ăn nhậu, không chăm lo, phụ giúp bà công việc của gia đình. Hiện nay bà và ông N vẫn sống chung nhưng vợ chồng không quan tâm đến nhau. Bà đã nhiều lần góp ý với ông N nhưng ông N không sửa đổi. Nay bà cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn hôn nhân trầm trọng không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà và ông N không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không có yêu cầu Tòa án giải.

Theo bản tự khai, lời trình bày của ông Lê Quang N tại Tòa án:

Ông và bà P chung sống với nhau từ năm 2009. Đến ngày 12/8/2013 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường PT, thành phố BR, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Ông thừa nhận sau khi đi làm về thường đi nhậu vào các buổi tối thường không ăn cơm với gia đình. Công việc gia đình lúc nào rảnh rỗi ông mới phụ giúp cho bà P được. Hiện nay ông và bà P vẫn sống chung một nhà nhưng vợ chồng sống ly thân hơn một năm nay, không quan tâm đến nhau. Nay bà P xin ly hôn ông không đồng ý vì ông vẫn còn yêu thương vợ.

Về con chung: Ông và bà không có con chung. Tuy nhiên hiện nay ông đang sống với con riêng của vợ cháu tên Nguyễn Thái H, sinh ngày 19/9/2006. Ông chăm sóc với cháu từ nhỏ đến nay. Ông và cháu H đối xử với nhau như cha con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với ông N.

Bị đơn ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

Ông Lê Quang N có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại tổ 01, thôn TC, xã CP, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà Trương Thị Ngọc P yêu cầu được ly hôn với ông N là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình về việc giải quyết vụ án; Bị đơn ông Lê Quang N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông N.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ không tiến hành thu thập chứng cứ. Vì vậy, căn cứ theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ không tham gia phiên tòa sơ thẩm

[2] *Về quan hệ hôn nhân*:

Bà Trương Thị Ngọc P và ông Lê Quang N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009. Đến ngày 12/8/2013, ông bà đăng ký kết hôn theo quy định của

pháp luật tại UBND phường PT, thành phố BR, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyển số 01/2013.

Bà P cho rằng thời gian đầu vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc nhưng sau này phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, không có lòng tin yêu, tôn trọng lẫn nhau. Ông N thừa nhận vợ chồng tuy vẫn sống chung một nhà nhưng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mời ông N, bà P tới hòa giải nhưng ông N không đến Tòa án làm việc, không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà P, ông N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P được ly hôn với ông N.

[3] Về con chung: Bà P, ông N xác nhận vợ chồng không có con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà P không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà P phải nộp án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 21, 28, 35, 39, 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Ngọc P về việc "ly hôn" với ông Lê Quang N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Ngọc P được ly hôn với ông Lê Quang N.

2. Về con chung: Bà Trương Thị Ngọc P và ông Lê Quang N không có con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Trương Thị Ngọc P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Trương Thị Ngọc P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trương Thị Ngọc P phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004436 ngày 03/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Như vậy, bà P đã nộp xong án phí.

Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong

hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ;
- Các đương sự;
- UBND phường PT, thành phố BR, tỉnh BR-VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Trần Thị Nhung